

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiệp.

Ông Nguyễn Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp T, xã T, huyện G, Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Thành G, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà và chồng bà là ông Võ Thành G chung sống với nhau vào năm 1993, trước đó có tìm hiểu khoảng vài tháng, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, vợ chồng không có tổ chức cưới, chỉ làm lễ tuyên bố bên gia đình bà. Vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng được khoảng hơn 01 năm thì về cha mẹ ruột bà sống tại ấp T, xã T, huyện G. Khoảng 06 năm sau đó, vợ chồng bà mua đất ra riêng cũng tại ấp B, xã B cho đến khi vợ chồng ly thân.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung gồm Võ Văn Đ, sinh năm: 1995 và Võ Thành N1, sinh năm: 2000, hiện cả 02 đang sống cùng chồng bà tại nhà chung của vợ chồng. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động được.

Vợ chồng chung sống có tài sản chung là phần đất có diện tích 740 m² đất do vợ chồng cùng đứng tên, cùng căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất.

Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Cách đây 20 năm, chồng bà quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con gái riêng nhưng bà không biết. Đến thời gian gần đây chồng bà thừa nhận với bà và nhận con nên bà mới biết. Sau đó, chồng bà thường lén lút liên lạc với con riêng và mẹ của người này. Từ đó, vợ chồng bà hay gây gổ và cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Cùng năm 2018, vợ chồng ly thân, dù sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Từ tháng 9-2022, bà bỏ về nhà cha mẹ bà ở ấp T, xã T, huyện G sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng bà là ông G.

Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động được bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thành G trình bày: Thống nhất với lời trình bày của vợ ông. Tức về hôn nhân (vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn); về con chung; về tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn do ông bị bệnh, lúc đầu vợ ông còn chăm lo cho ông. Sau đó thì bỏ đi luôn và không quay về nữa. Nay vợ ông có yêu cầu ly hôn với ông, ông không có ý kiến, vợ ông muốn làm gì thì làm (tức ông không trình bày việc có đồng ý ly hôn hay không).

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ ông thì về con chung, tài sản chung và nợ chung ông đều không yêu cầu giải quyết.

(Sau khi trình bày, ông G không đồng ý ký tên vào biên bản).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận bà Ngô Thị N và ông Võ Thành G là vợ chồng. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông bà về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông G chung sống vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ tuyên bố nhưng không đăng ký kết hôn. Thấy rằng, khi chung sống ông bà có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó, hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do vậy, khi bà N yêu cầu ly hôn, dù ông G không có ý kiến. Hội đồng xét xử vẫn có cơ sở tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng là phù hợp với các điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà thống nhất vợ chồng có 02 con chung là anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1995 và anh Võ Thành N1, sinh năm: 2000 đều đã thành niên và có khả năng lao động được; ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Ngô Thị N và ông Võ Thành G là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà thống nhất, 02 con chung của ông bà gồm: anh Võ Văn Đ sinh năm: 1995 và anh Võ Thành N1, sinh năm: 2000 đều đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N chịu 300.000 đồng. Ghi nhận bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024678 ngày 06-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nên được khấu trừ. Bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh